

Bản án số: 1215/2023/DS-PT
Ngày: 19/12/2023
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
do danh dự, nhân phẩm,
uy tín bị xâm phạm

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2023/TLPT-DS ngày 10/10/2023, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5466/2023/QĐXXPT-DS ngày 20/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: 4/5 N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn E, sinh năm 1970 (có mặt)

2.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số D đường S, Tổ C, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số C đường S, Tổ C, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H và bà Trần Thị N: Ông Trần Văn E, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường S, Tổ C, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 10485, quyền số 04 TP/CC-SCC/UQ lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/4/2015).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc L trình bày:

Ngày 28/12/2001, ông và ông Trần Văn Ú, ông Trần Văn E ký hợp đồng sang nhượng 1.775m² quyền sử dụng đất thuộc phân chiết của thửa đất nông nghiệp số 150, tờ bản đồ số 5, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng: Thời gian ông Ú và ông E thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tại cấp Ủy ban nhân dân phường T 01 tháng phải bàn giao cho ông; thời gian hoàn thành việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.775m² tại Ủy ban nhân dân Quận A là 04 tháng. Tổng thời gian hợp đồng là 05 tháng. Ngày bắt đầu thực hiện hợp đồng là ngày 28/12/2001, ngày hoàn thành hợp đồng là ngày 30/5/2002.

Thế nhưng, sau ngày 31/12/2001, ông Ú và ông E đã nhận đủ số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng của ông, nhưng không bàn giao Hồ sơ giấy tờ sang nhượng 1.775m² quyền sử dụng đất cho ông tại Ủy ban nhân dân phường T. Ông Ú và ông E đã 06 lần liên tiếp bội tín và lừa đảo ông, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông suốt 22 năm qua đến nay, gây ra cho ông nhiều thiệt hại, như sau:

Bội tín lừa đảo lần thứ 1: Ngày 28/12/2001, ông Ú và ông E sau khi đã nhận đủ 100.000.000 đồng tiền đặt cọc của ông đã không thực hiện nghĩa vụ để giao 1.775m² đất và hồ sơ đất cho ông tại cấp Ủy ban nhân dân phường T, Quận A.

Bội tín lừa đảo lần thứ 2: Ngày 31/01/2002, ông Ú và ông E yêu cầu ông giao số tiền 100.000.000 đồng (ngoài nghĩa vụ cam kết trách nhiệm hợp đồng) để ông Ú và ông E lo làm nhanh thủ tục giao 1.775m² đất và hồ sơ đất cho ông tại Ủy ban nhân dân phường T. Thế nhưng, ông Ú và ông E sau khi nhận đủ 02 lần số tiền 200.000.000 đồng của ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ nào để bàn giao 1.775m² đất và hồ sơ đất cho ông tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A để ông làm tiếp phần sang tên chuyển quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân Quận A.

Bội tín lừa đảo lần thứ 3: Ông gia hạn lần thứ nhất cho ông Ú và ông E thêm 02 tháng nữa; thế nhưng ông Ú và ông E vẫn không giao 1.775m² đất cho ông.

Bội tín lừa đảo lần thứ 4: Ông tiếp tục gia hạn thêm lần thứ 02 cho ông Ú và ông E thêm 02 tháng nữa, thế nhưng ông Ú và ông E vẫn không giao 1.775m² đất cho ông.

Tổng cộng 3 lần gia hạn là 04 tháng để ông Ú và ông E phải hoàn thành

nghĩa vụ giao đủ hồ sơ đất tại Ủy ban nhân dân phường T cho ông. Thế nhưng, ông Ú và ông E vẫn không làm gì cả.

Bội tín lừa đảo lần thứ 5: Từ ngày 01/7/2002 trở đi, ông Ú và ông E đã đơn phương tự ý hủy bỏ hợp đồng mà không cần thông báo cho ông biết, xâm phạm quyền danh dự, uy tín của ông.

Một năm sau kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán 1.775m² đất, ngày 15/11/2002 Ủy ban nhân dân Thành phố H mới ban hành Quyết định giao đất số 4714/QĐ-UBND quy hoạch khu 38 ha tại phường T, Quận A giao cho Công ty C1 làm chủ đầu tư.

Bội tín lừa đảo lần thứ 6: Từ tháng 6/2003, ông Ú và ông E đã tự ý mang 1.775m² quyền sử dụng đất của ông đã mua giao cho Công ty C1 để lấy tiền thưởng mà không cần thông báo cho ông biết là việc làm xáo trá, bịp bợm, lừa đảo nhất; ông Ú và ông E đã xâm phạm nghiêm trọng quyền danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông.

Cả 06 hành vi bội tín, lừa đảo của ông Ú và ông E đã gây ra cho ông nhiều thiệt hại.

Ông Ú và ông E tiếp tục bội tín, lừa đảo ông không thi hành Bản án số 69/2004/DS-ST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12. Đã 22 năm và tại Cơ quan Thi hành án dân sự Quận A thì ông Ú và ông E luôn tìm mọi cách viện cớ từ chối các đề nghị thỏa thuận thi hành bản án của ông theo Điều 303 của Bộ luật dân sự năm 2005. Ông Ú và ông E vẫn tiếp tục bội tín, lừa đảo xâm phạm quyền danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông. Cụ thể:

Tại nhà riêng của ông Ú, ông E, bà H và bà N: ông E và ông Ú xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông, từ ngày nộp đơn yêu cầu thi hành án, nhất là năm 2007 và 2008, ông đã 03 lần đến nhà riêng của ông Ú và ông E yêu cầu giao 130m² đất nền nhà ở tại khu 38 ha cho ông xây nhà ở nhưng đều bị ông Ú và ông E từ chối, đã 02 lần ông bị ông Ú và ông E chửi tục, lôi kéo người nhà, họ hàng ra đe dọa đánh, đuổi ông trước sự chứng kiến của nhiều người dân và khách qua đường. Suốt 10 năm ông Ú và ông E đã không làm bất kỳ nghĩa vụ phải thi hành án nào để giao 130m² đất nền nhà cho ông mà còn bội tín, lừa đảo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông.

Tại cơ quan Chi cục Thi hành án Quận 12, ông Ú và ông E tiếp tục bội tín, từ chối mọi yêu cầu thỏa thuận của ông để định giá trị 130m² đất nền nhà bằng Việt Nam đồng để trả cho ông và lừa đảo ông, từ chối việc định giá 130m² đất tại phường T để trả tiền cho ông, xâm phạm danh dự nhân phẩm uy tín của ông.

Năm 2007, Ban Quản lý dự án khu 38 ha đã phân chia bàn giao 400 nền nhà cho 372 hộ nhưng ông Ú và ông E không hề làm nghĩa vụ nào để giao 130m² đất nền nhà cho ông. Bị đơn ông Ú và ông E thường xuyên từ chối mọi thỏa thuận của ông, vi phạm khoản 1, 2, 3 Điều 303 của Bộ luật dân sự năm 2005, về trách nhiệm dân sự do không thực hiện nghĩa vụ giao vật (130m² đất) cho ông và xâm phạm nghiêm trọng quyền danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông.

Hơn 22 năm qua (2004-2023), ông đã 8 lần nộp đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 và đưa ra 03 phương án để thi hành bản án, thế nhưng ông E, ông U và bà N đều từ chối yêu cầu của ông.

Các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện tính lại bồi thường thiệt hại, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung như sau:

1. Đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2015, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: “Buộc ông E và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải công khai xin lỗi ông L bằng văn bản tại Tòa. Buộc ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N bồi thường khoản tiền tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương cơ bản 31.000.000 đồng”.

2. Đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2016, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: “Buộc ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N xin lỗi ông L bằng văn bản tại Tòa đồng thời, niêm yết văn bản xin lỗi tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A và tại nhà số D V đường S, tổ C, khu phố B, phường T, Quận A. Bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm là 26 437,17 triệu đồng”.

3. Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/7/2017, ông L sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu: “Hủy bỏ hợp đồng mua bán 105m² đất của ông Trần Văn U, Trần Văn E còn lại đã bán cho ông Trần Văn N1 để giải quyết vụ án đúng pháp luật và tuân thủ quyết định ngăn chặn khẩn cấp tạm thời số 468/THA ngày 13/3/2003 của Đội Thi hành án Quận A tại thửa đất số 150, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”.

4. Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/8/2018, ông L sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện: Buộc ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N phải thi hành 01 trong 3 phương án nêu tại mục B2 (...), nếu không thi hành yêu cầu Tòa án ra xử phạt hành chính, hoặc quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự. Buộc ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N1 phải bồi thường các thiệt hại do nhiều lần bội tín, lừa đảo ông L, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín ông L là 37.036.000.000 đồng”.

5. Đơn xin rút đơn bổ sung đề ngày 09/12/2019, ông L xin rút đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018; giữ nguyên đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2015, 13/7/2016, giữ lại giá trị bồi thường tính đến ngày 30/12/2018 là 37.000.000.000 đồng.

6. Đơn xác định rõ thêm yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/7/2020, đơn này làm rõ thêm yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/8/2018, yêu cầu: “Giữ nguyên 03 bị đơn là ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N và 08 người liên quan gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Ủy ban nhân dân Quận A, ông Lê Trương Hải H1, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, ông Nguyễn Trọng T, bà Phạm Thị Bạch Đ, ông Nguyễn Văn Q, ông Trần Văn N1. Giữ nguyên đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018. Triệu tập ông Trần Văn N1 để hủy bỏ hợp đồng mua bán 130m² đất giữa ông Nguyễn v ông E, bà H, bà N..”

7. Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/4/2023, ông L yêu cầu: “Buộc 03 bị đơn là Trần Văn E, Trần Thị H, Trần Thị N và 10 người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan (Lê Trương Hải H1, Trầm Văn H2, Nguyễn Văn Đ1, Huỳnh Phương H3, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Bùi Duy N2, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H4 và Trần Văn N1) phải bồi thường các thiệt hại do vi phạm trong hợp đồng và các thiệt hại ngoài hợp đồng do 06 lần bội tín, lừa đảo ông, đã xâm phạm danh sự, uy tín của ông, với tổng số tiền là 115.936.500.000 đồng”.

Tại bản khai đề ngày 07/4/2015, ngày 09/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn E trình bày:

Ông và ông Trần Văn Ú, ông Trần Văn T1 có ký hợp đồng giấy tay bán khu đất cho ông Nguyễn Khắc L và ông Trần Văn N1, với diện tích 3.550m². Ông L và ông N1 đã thanh toán tổng cộng 400.000.000 đồng (mỗi người 200.000.000 đồng). Nhưng sau đó, khu đất này bị quy hoạch nên không thể chuyển nhượng được, khi ông L mua đất thì khoảng một, hai tháng sau là có quy hoạch.

Năm 2003, ông L đã khởi kiện ông và ông Ú, ông T1 tại Tòa án nhân dân Quận 12. Ngày 14/5/2004, Tòa án đã xét xử buộc ông và ông Ú, ông T1 giao lại cho ông L một nền nhà diện tích 130m² đất. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không thi hành được vì khu đất trên đang quy hoạch chưa thực hiện xong nên ông không có nền nhà 130m² để giao cho ông L.

Cũng trong năm 2014, Thi hành án Quận A có mời lên nhưng chưa thi hành được bản án vì Ban bồi thường chưa làm xong.

Năm 2005, ông Trần Văn Ú mất. Ông Ú có vợ là bà Nguyễn Thị H5 và ba người con là: ông, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N. Cha mẹ ông Ú đều đã mất. Năm 2014, bà Nguyễn Thị H5 mất. Năm 2010, ông T1 mất, không có vợ con.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N phải bồi thường cho ông L một khoảng tiền tổn thất tinh thần thì ông và bà H, bà N hoàn toàn không đồng ý, vì ông và bà H, bà N không có vi phạm gì với ông L, việc giao đất đã giải quyết tại Bản án nhưng do Thi hành án chưa thi hành xong.

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện bổ sung ông L, ông trình bày như sau: do đất vướng quy hoạch, ông và bà H, bà N và mẹ của ông là bà H5 đã giao cho ông Nguyễn phần đất khác diện tích 105m² nằm ở phường H, Quận A khoảng năm 2013, 2014. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng mua bán, có công chứng đến nhà lập, việc chuyển nhượng đã hoàn tất, ông N1 đã nhận xong đất và không có kiện tụng gì, ông cũng không còn giữ hợp đồng chuyển nhượng này, việc ông chuyển nhượng đất khác của ông cho ông Nguyễn k liên quan gì đến vụ kiện này. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng lúc đó khoảng 800.000.000 đồng.

Ông L tự cầm tiền đến nhà đặt cọc cho cha của ông chú gia đình ông không lừa dối gì ông L. Sau này đất bị quy hoạch nên gia đình ông đã bồi thường 2.500m² nền đất cho ông L và ông N1, còn 1.050m² thì gia đình ông bán cho người quen gần nhà, sau đó người này bán lại cho ông N1. Phần đất của ông L hoán đổi lấy nền đất, gia đình không đụng tới phần này.

Ông **Trần Văn E** là người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị N** trình bày: Bà **H**, bà **N** thống nhất và đồng ý với ý kiến trình bày của ông **E**.

Tại Bản án số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Khắc L** yêu cầu ông **Trần Văn E**, bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị N** bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm số tiền là 95.106.720.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Khắc L** yêu cầu ông **Trần Văn E**, bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị N** bồi thường thiệt hại tài sản trong hợp đồng liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng 1.775m² quyền sử dụng đất, thửa số 150, tờ bản đồ số 5, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là 20.830.000.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **Nguyễn Khắc L** không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Khắc L** được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 29/6/2023, ông **Nguyễn Khắc L** noãn ãn khaùng cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông **Nguyễn Khắc L** yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết lại theo đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự, với lý do: Bản án dân sự sơ thẩm trái pháp luật, vì đã 23 năm, các bị đơn ông **Trần Văn E**, bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị N** và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã lừa đảo, bội tín không giao 130m² nền đất hoặc 1.775m² đất nông nghiệp cho ông. Mặc dù 130m² nền đất của ông thuộc Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12 nhưng những người nêu trên cấu kết không giao đất cho ông. Đồng thời, chuyển hồ sơ vụ án dân sự do Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết ngày 14/6/2023 sang Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và **Công an Thành phố H** để truy cứu các tội danh sau: Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ (Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 370 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 371 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (Điều 375 Bộ luật hình sự năm 2015).

+ Bị đơn ông **Trần Văn E**, bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị N** cùng ủy quyền cho ông **Trần Văn E** đại diện yêu cầu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ

án được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông **L** kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 là không có cơ sở nên không chấp nhận. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên không chính xác so với nhận định của bản án. Do đó, cần thiết phải sửa lại phần quyết định của bản án cho phù hợp với nhận định như sau: Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường số tiền 20.230.000.000 đồng là tiền bồi thường do tài sản bị xâm phạm, không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường số tiền 95.106.720.000 đồng là tiền bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và tiền tổn thất tinh thần.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, theo hướng như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 28/4/2023, ông **Nguyễn Khắc L** có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc các bị đơn **Trần Văn E**, **Trần Thị H**, **Trần Thị N** và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông **Lê Trương Hải H1**, **Trần Văn H2**, **Nguyễn Văn Đ1**, **Huỳnh Phương H3**, **Nguyễn Văn Q**, **Lê Văn L1**, **Bùi Duy N2**, **Nguyễn Trọng T**, **Nguyễn Văn H4**, **Trần Văn N1** phải bồi thường các thiệt hại do vi phạm trong hợp đồng và các thiệt hại ngoài hợp đồng với tổng số tiền là 115.936.500.000 đồng.

[2] Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Thông báo trả lại đơn kiện số 3253/2023/TB-TA ngày 12/5/2023. Ông **L** khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện nêu trên.

[3] Tòa án nhân dân Quận 1 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 06/2023/QĐ-GQKN ngày 13/6/2023, với nội dung: giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện cho ông **Nguyễn Khắc L** theo Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 3253/2023/TB-TA ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Bản án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông **L**, yêu cầu 10 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên bồi thường thiệt hại theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 28/4/2023, với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[4] Ông **Nguyễn Khắc L** trình bày: Ngày 28/12/2001, ông **Trần Văn Ú** và ông **Trần Văn T1** với ông (**Nguyễn Khắc L**) và ông **Trần Văn N1** ký Giấy mua bán

sang nhượng đất, với nội dung, ông **Ú** và ông **T1** sang nhượng cho ông 1.775m² quyền sử dụng đất nông nghiệp, thửa số 150, tờ bản đồ số 5, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên xảy ra tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bằng Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004. Ngày 16/8/2004, Chi cục Thi hành án Quận 12 ban hành Quyết định thi hành án số 138/THA-YC, cho thi hành bản án trên theo đơn yêu cầu của ông **L**, tuy nhiên cho đến nay, bản án trên vẫn chưa thi hành án được. Ông **L** cho rằng các bị đơn đến nay không thi hành bản án trên là bị đơn đã bội tín, lừa đảo, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông suốt 22 năm nên yêu cầu bị đơn bồi thường các thiệt hại số tiền 115.936.500.000 đồng, gồm: Thiệt hại theo cam kết tại Điều 3 của hợp đồng mua bán, sang nhượng 1.775m², thửa số 150, tờ bản đồ số 5 ngày 28/12/2001 là 600.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do tài sản là 1.775m² đất bị xâm phạm đã 22 năm, theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20.230.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm và tổn thất về tinh thần là 95.106.720.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của ông **L**, yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hợp đồng (theo Giấy mua bán sang nhượng đất ngày 28/12/2001), tại Điều 3 của Giấy mua bán sang nhượng đất ngày 28/12/2001, với số tiền 600.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết bằng Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004 và Hội Thi hành án Quận 12 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12) đã ban hành Quyết định thi hành án số 138/THA-YC ngày 16/8/2004. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của ông **L** là có căn cứ. Do đó, ông **L** kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Căn cứ Công văn số 868/THADS ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, về việc thông tin kết quả thi hành án có nội dung: Quá trình tổ chức thi hành án, ngày 24/6/2005, các bên thống nhất việc giao đất dự án, khi ông **E**, ông **T1** và ông **Ú** nhận nên được hoán đổi sẽ giao cho ông **L** 01 nền đất diện tích 130m² trong khu đất 38 ha phường T, Quận A (Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 24/6/2005). Hộ ông **Ú** và ông **E** đã thực hiện việc giao phần đất diện tích 3.550m² đất nông nghiệp cho chủ đầu tư để thực hiện dự án vào năm 2005. Theo chủ trương hộ ông **Ú** và ông **E** được hoán đổi thành 355m² đất đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng trong dự án 38 ha phường T, trong đó có 01 nền nhà diện tích 130m² giao lại cho ông **L** thi hành nội dung Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12.

Ủy ban nhân dân Quận A đã có Văn bản số 2386/UBND-BT ngày 18/11/2009 về việc giao nền tái định cư theo Bản án của Tòa án nhân dân Quận 12 đối với hộ ông **L** trong dự án khu tái định cư 36,2 ha phường T theo Kế hoạch số 120/KH-UBND-BT ngày 21/8/2009. Tuy nhiên, từ năm 2009 cho đến nay, ông **L** chưa được thi hành án do hộ ông **E**, ông **T1** và ông **Ú** chưa nhận được nền nhà diện tích 130m² trong khu tái định cư 36,2 ha phường T, Quận A.

Chi cục thi hành án Quận 12 đã làm việc với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, cùng có sự tham dự của ông **L** về tình hình giải quyết vụ việc và phương án hoán đổi nền tại vị trí khác nhưng không đạt được kết quả (Biên bản ngày 13/3/2018).

Ủy ban nhân dân Quận A, có Kết luận số 2762/UBND-BT ngày 26/4/2018, với nội dung: Hiện nay do chưa có nền tái định cư 38ha nên Ủy ban nhân dân Quận A chưa thực hiện được việc giao nền cho ông **Ú**, ông **E** và ông **T1** để giao lại cho ông **L** theo Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12. Trường hợp, nếu ông **L**, ông **Ú**, ông **E** và ông **T1** đồng ý chọn một nền tại khu vực khác của dự án tái định cư trên địa bàn Quận A hiện có như: Khu nhà ở **P** tại phường **T** hoặc khu nhà ở **T** tại phường **T** thì Ủy ban nhân dân quận A sẽ tổ chức thực hiện việc giao nền theo Bản án số 69/DSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12. Trong trường hợp, ông **L**, ông **Ú**, ông **E** và ông **T1** không đồng ý nhận nền hoán đổi tại các vị trí Khu nhà ở **P** hoặc khu nhà ở **T** mà chỉ đề nghị được nhận nền tái định cư 38ha phường **T** thì sẽ phải chờ khi dự án hoàn tất công tác bồi thường và đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, Ủy ban nhân dân quận sẽ thông báo việc thực hiện giao nền.

[7] Như vậy, cho đến nay ông **E**, bà **N** và bà **H** là các đồng thừa kế của ông **Ú** chưa giao được nền đất diện tích 130m² trong khu đất 38 ha phường **T**, Quận **A** cho ông **L** theo Bản án số 69/2004/DSST ngày 14/5/2004 của Tòa án nhân dân Quận 12 là do hoàn cảnh khách quan, không phải do lỗi của ông **E**, bà **N** và bà **H**. Đồng thời, ông **L** không xuất trình được chứng cứ chứng minh các bị đơn xâm phạm đến tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông và đã gây ra các thiệt hại thực tế cho ông như các chi phí ông đã bỏ ra để khắc phục thiệt hại tương ứng với số tiền ông yêu cầu bồi thường là các thiệt hại do tài sản là 1.775m² đất bị xâm phạm đã 22 năm theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm; thiệt hại tổn thất về tinh thần. Án sơ thẩm căn cứ Điều 34; Điều 585; Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và thiệt hại tổn thất về tinh thần là có căn cứ. Do đó, ông **L** kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[8] Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/4/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Nguyễn Khắc L** xác định các khoản tiền ông yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm: bồi thường thiệt hại do tài sản là 1.775m² đất bị xâm phạm đã 22 năm theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20.230.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm; tổn thất về tinh thần là 95.106.720.000 đồng.

[9] Án sơ thẩm nhận định đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là không có cơ sở nên không chấp nhận. Tuy nhiên, tại phần Quyết định lại đình chỉ đối với số tiền 20.830.000.000 đồng (trong đó, có số tiền 20.230.000.000 đồng bồi thường thiệt hại do tài sản là 1.775m² đất bị xâm phạm

đã 22 năm là không phù hợp với nhận định. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cho đúng.

[10] Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì không quy định Tòa án chuyển hồ sơ vụ án dân sự do Tòa án đang thụ lý giải quyết cho Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Công an Thành phố H. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông L, yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án dân sự do Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết ngày 14/6/2023 sang Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Công an Thành phố H để truy cứu các tội danh sau: Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ (Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 370 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 371 Bộ luật hình sự năm 2015); Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (Điều 375 Bộ luật hình sự năm 2015).

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khóa 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 34, Điều 585, Điều 598, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc L.
2. Sửa một phần Bản án số 162/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc L yêu cầu ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N bồi thường thiệt hại do tài sản là 1.775m² đất bị xâm phạm đã 22 năm theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20.230.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm; tổn thất tinh thần số tiền là 95.106.720.000 đồng.

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của của Nguyễn Khắc L yêu cầu ông Trần Văn E, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N bồi thường thiệt hại theo cam kết tại

Điều 3 của hợp đồng mua bán, sang nhượng 1.775m², thửa số 150, tờ bản đồ số 5 ngày 28/12/2001 là 600.000.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Khắc L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Khắc L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc L được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường